

Số: /BC-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO
Chuyển đổi số quốc gia 06 tháng đầu năm 2024

Thực hiện các Chương trình, Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, các bộ, ngành địa phương đang nỗ lực, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số quốc gia. Căn cứ số liệu báo cáo từ các bộ, ngành, địa phương, Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT) báo cáo tình hình chuyển đổi số quốc gia 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 06 THÁNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia năm 2024

- Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số hoạt động tại địa phương: 50.350 doanh nghiệp/mục tiêu 48.000 doanh nghiệp (đạt tỷ lệ 104,9%).

- Hoàn thành triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu: 43/53¹ dịch vụ (đạt tỷ lệ 81,1%).

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ (Hệ thống EMC): 19/21 bộ, cơ quan ngang bộ² (tăng 09 bộ so với cuối năm 2023) và 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tăng 26 tỉnh, thành phố so với cuối năm 2023) có hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính kết nối toàn diện với Hệ thống EMC, đạt tỷ lệ 97,6%. Với giải pháp đo lường trực tuyến này, lần đầu tiên sau 20 năm làm dịch vụ công trực tuyến, việc giám sát, đo lường được thực hiện tự động, online. Đây là bước tiến mới trong quản trị số, cho phép quản lý và đánh giá hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến nói riêng và các dịch vụ Chính phủ số nói chung một cách đầy đủ, chính xác và hiệu quả hơn.

¹ 10 dịch vụ còn lại của các cơ quan: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Bộ Tư pháp; Bộ Y tế; Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Công an và Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam.

² Bộ Tài chính chưa hoàn thành kết nối, Ủy ban dân tộc chưa kết nối.

- Hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, ngành, địa phương kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: 15/22 bộ, cơ quan ngang bộ³ và 63/63 tỉnh, thành phố đã kết nối, đạt tỷ lệ 91,8%.

- Các thôn, bản đang lờm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng bằng rộng di động: 256/1077 thôn, bản đã có điện; đạt tỷ lệ 23,8%.

- Sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ: 100% các bộ, ngành đã sử dụng.

- Tỷ lệ cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên toàn quốc triển khai giải pháp hóa đơn điện tử, phát hành hóa đơn ngay từ máy tính tiền sau mỗi lần bán hàng nhằm chống thất thu thuế, thất thu ngân sách: đạt tỷ lệ 92,2% (tương đương 14.727/15.981 cửa hàng).

- Doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ứng dụng các nền tảng số trong quản trị, sản xuất để thay đổi quy trình sản xuất, kinh doanh, tăng năng suất, hiệu quả hoạt động, giảm phát thải: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang tổ chức triển khai.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban quốc gia 2024

- Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành: 19/79 nhiệm vụ (đạt 24,1%).

- Các nhiệm vụ có thời hạn đến tháng 6/2024: 28 nhiệm vụ. Trong đó, đã hoàn thành: 16/28 nhiệm vụ (57%); chưa hoàn thành, đang thực hiện: 12/28 nhiệm vụ (43%).

Điểm sáng: 03 nhiệm vụ hoàn thành trước thời hạn. Trong đó, 01 nhiệm vụ của Ngân hàng Nước Việt Nam, 01 nhiệm vụ của Bộ Công an, 01 nhiệm vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tồn tại: Tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành theo Kế hoạch năm thấp (24,1%), một số nhiệm vụ quan trọng như xây dựng kế hoạch hoạt động của các Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương làm cơ sở chỉ đạo, điều hành hoạt động chuyển đổi số chậm được triển khai. Đề nghị các bộ, ngành, địa phương khẩn trương triển khai.

(Chi tiết các nhiệm vụ tại phụ lục kèm theo).

³ Các bộ, cơ quan ngang bộ chưa tích hợp, kết nối gồm: Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ LĐTBXH, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra Chính phủ và Ủy ban dân tộc.

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban quốc gia tại Phiên họp lần thứ 8 (Văn bản 203/TB-VPCP)

- Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành: 12/34 nhiệm vụ (đạt 32,3%).

- Các nhiệm vụ có thời hạn đến tháng 6/2024: 20 nhiệm vụ. Trong đó, đã hoàn thành: 11/20 nhiệm vụ (55%); chưa hoàn thành, đang thực hiện: 09/20 (45%).

Điểm sáng: 02 nhiệm vụ hoàn thiện thể chế quan trọng là (1) Luật Lưu trữ (sửa đổi) được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 7 và (2) Chính phủ thông qua đề nghị xem xét xây dựng Luật dữ liệu.

Tồn tại: tỷ lệ nhiệm vụ hoàn thành thấp (31,3%). Một số nhiệm vụ quan trọng chậm hoàn thành: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa hoàn thiện và ban hành phương pháp, tiêu chí đo lường chỉ tiêu thống kê về tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GDP và trong các ngành, lĩnh vực tại Việt Nam; Bộ TT&TT chưa hoàn thành Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích; Các bộ, ngành, địa phương chưa Xây dựng Đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương bảo đảm kết nối với Đề án 06/CP.

(Chi tiết các nhiệm vụ tại phụ lục kèm theo).

II. KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẠT ĐƯỢC 06 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Về hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số

Trong 6 tháng đầu năm các bộ, ngành đã nỗ lực, tập trung xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản, chính sách để hoàn thiện môi trường pháp lý, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Cụ thể như sau:

a) Các văn bản đã được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành

- Quốc hội thông qua Luật Lưu trữ (sửa đổi); Chính phủ thông qua và đề xuất xây dựng 02 Luật:

+ Luật Công nghiệp công nghệ số với các chính sách quan trọng như: Hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm dịch vụ công nghệ số thiết kế và sản xuất trong nước, sản phẩm công nghệ số trọng điểm, trọng yếu; thị trường công nghệ số, vi mạch bán dẫn, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo,...

+ Luật Dữ liệu với một số chính sách quan trọng như: Phát triển cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, Trung tâm dữ liệu quốc gia, quy định dữ liệu là tài sản, mua bán, quản lý dữ liệu, dịch vụ dữ liệu, Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia, bảo

đảm các cơ quan quản lý nhà nước cùng khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên dữ liệu chung,...

- Chính phủ đã ban hành 10 Nghị định, bao gồm: (1) Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia; (2) Nghị định số 48/2024/NĐ-CP ngày 09/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số; (3) Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 quy định về thanh toán không dùng tiền mặt; (4) Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất; (5) Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 về chữ ký số chuyên dùng công vụ; (6) Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 về định danh xác thực điện tử; (7) Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước; (8) Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 quy định về khu công nghệ cao; (9) Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; (10) Nghị định số 67/2024/NĐ-CP ngày 25/06/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 76/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 quy định chi tiết đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thu hồi, hủy giá trị sử dụng giấy thông hành và Nghị định số 77/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 quy định việc quản lý, khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; dịch vụ công trực tuyến phục vụ cấp, quản lý, kiểm soát hộ chiếu của công dân Việt Nam; kiểm soát xuất nhập cảnh bằng công kiểm soát tự động.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành 08 văn bản (06 Quyết định và 02 Chỉ thị), bao gồm: (1) Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 phê duyệt quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (2) Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam đến năm 2030, trong đó xác định nhiều nhiệm vụ quan trọng chuyển đổi số y tế, bảo hiểm xã hội; (3) Quyết định số 58/QĐ-UBQGCS ngày 19/4/2024 ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; (4) Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; (5) Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 phê duyệt danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

năm 2024; (6) Quyết định số 305/QĐ-TTg ngày 12/4/2024 phê duyệt Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2030 với nhiệm vụ “Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin quản lý hàng dự trữ quốc gia, bảo đảm tin học hóa quy trình nghiệp vụ nhập, xuất, bảo quản hàng dự trữ quốc gia phục vụ công tác chỉ đạo điều hành dự trữ quốc gia”; (7) Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương và những năm tiếp theo; (8) Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

b) Các văn bản, chính sách do bộ, ngành, địa phương đã ban hành

- Các bộ, ngành, địa phương cũng ban hành gần 20 văn bản quy định, hướng dẫn về quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, kiện toàn tổ chức bộ máy, giải pháp nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến, trợ lý ảo, an toàn an ninh mạng,.... để hướng dẫn, chỉ đạo, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, điển hình như: các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ TT&TT: Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, hướng tới Chính phủ số, phiên bản 3.0; Quyết định số 176/QĐ-BTTTT ngày 16/02/2024 ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương; Văn bản số 1016/BTTTT-CĐSQG ngày 22/3/2024 hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật kết nối chia sẻ dữ liệu; Văn bản số 1043/BTTTT-CĐSQG ngày 25/3/2024 về việc tiếp tục triển khai một số giải pháp thúc đẩy hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Văn bản số 1053/BTTTT-CĐSQG ngày 25/3/2024 về việc thử nghiệm Trợ lý ảo phục vụ cán bộ, công chức, viên chức; Văn bản số 1595/BTTTT-CĐSQG ngày 25/4/2024 về việc triển khai thử nghiệm Trợ lý ảo theo lĩnh vực; Văn bản số 2619/BTTTT-CĐSQG ngày 04/7/2024 về việc hướng dẫn yêu cầu cơ bản và phương pháp đánh giá Mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt và Trợ lý ảo Việt Nam (Phiên bản 1.0); Văn bản số 1466/BTTTT-CĐSQG ngày 17/4/2024 hướng dẫn các địa phương xây dựng Kế hoạch triển khai Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Văn bản hướng dẫn Khung chuyển đổi số; Văn bản công bố danh mục các nền tảng số do các bộ, ngành triển khai toàn quốc để các địa phương không triển khai trùng lặp; Văn bản số 708/BTTTT-CATTT ngày 02/3/2024 hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương yêu cầu về bảo đảm an toàn, an ninh mạng phục vụ triển khai Đề án

06; Sổ tay Hướng dẫn tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ (Phiên bản 1.0); Văn bản số 2516/BTTTT-ATTT, Văn bản số 2517/BTTTT-ATTT ngày 27/6/2024 hướng dẫn một số giải pháp tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin; Văn bản số 1483/BTTTT-CATTT ngày 19/4/2024 hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng; Văn bản số 1607/BTTTT-CATTT ngày 26/4/2024 hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về an toàn thông tin mạng trong năm 2024; Quyết định số 724/QĐ-BTTTT ngày 06/5/2024 ban hành Bộ Tiêu chí về an toàn thông tin mạng cơ bản cho camera giám sát; Văn bản số 2596/BTTTT-CATTT ngày 02/07/2024 về việc ban hành tài liệu Hướng dẫn bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý cấp bộ, tỉnh; Quyết định số 1091/QĐ-BTTTT ngày 01/7/2024 ban hành Yêu cầu kỹ thuật cơ bản đối với thiết bị đọc chip trên thẻ căn cước (phiên bản 1.0); Văn bản số 1246/VPCP-KSTT ngày 27/02/2024 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn tái cấu trúc quy trình và tài liệu hướng dẫn kết nối, tích hợp cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công quốc; Văn bản số 2075/BTC-TCT ngày 28/02/2024 của Bộ Tài chính chỉ đạo công tác quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử đối với hoạt động kinh doanh bán lẻ xăng dầu; Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 15/01/2024 của Ngân hàng nhà nước về đẩy mạnh chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng.

- Các địa phương ban hành nhiều chính sách quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số. Hiện nay, 63/63 địa phương đều đã ban hành chính sách giảm, miễn phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 15/63 địa phương đã ban hành chính sách giảm thời gian để khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; thành phố Hà Nội ban hành chính sách quy định việc hỗ trợ phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp qua ứng dụng VNeID trên địa bàn thành phố Hà Nội.

c) Một số điểm nổi bật các chính sách đã ban hành:

- Luật Lưu trữ (sửa đổi) được ban hành nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; đổi mới hoạt động quản lý và thực hiện các nghiệp vụ về lưu trữ, khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn công tác lưu trữ hiện nay, nhất là lưu trữ điện tử. Các quy định quan trọng của Luật Lưu trữ sửa đổi góp phần hoàn thiện thể chế số như: Tài liệu lưu trữ số có đầy đủ giá trị pháp lý như thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp

luật về giao dịch điện tử; quy định rõ giá trị của bản số hóa tài liệu lưu trữ; quy định những yêu cầu của Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ số, Kho lưu trữ số; thực hiện nghiệp vụ về thu thập, bảo quản, sử dụng tài liệu lưu trữ số; hoạt động nghiệp vụ đối với tài liệu lưu trữ điện tử khác, việc chuyển đổi tài liệu lưu trữ điện tử khác sang tài liệu lưu trữ số.

- Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông 2 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử, tuất: việc tổ chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được thực hiện hợp lý, khoa học, bảo đảm yêu cầu khai thác, tái sử dụng dữ liệu phục vụ cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính giữa các cơ quan, tổ chức và người yêu cầu, không yêu cầu nộp bản giấy; dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính này là đầu vào để xử lý thủ tục hành chính khác sẽ được tự động chia sẻ dữ liệu; các thông tin trong tờ khai quy định tại Nghị định nếu đã có trong các cơ sở dữ liệu (CSDL), hệ thống liên quan được liên thông, tự đồng điền thông tin.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước quy định rõ CSDL quốc gia về dân cư được triển khai 04 cấp hành chính (đến cấp xã) và thường xuyên được sao lưu, lưu trữ dự phòng tại cơ quan quản lý căn cước. Nghị định cũng quy định việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa CSDL quốc gia về dân cư với các CSDL quốc gia khác, CSDL chuyên ngành,... qua mạng viễn thông, Internet, mạng máy tính thực hiện theo quy định của pháp luật về kết nối, chia sẻ và trên cơ sở thống nhất bằng văn bản giữa Bộ Công an và cơ quan, tổ chức chủ quản CSDL, hệ thống thông tin. Nghị định cũng quy định thủ tục khai thác thông tin của công dân trong CSDL quốc gia qua 05 hình thức: kết nối, chia sẻ trực tiếp (cấp tài khoản cho cơ quan, tổ chức để truy cập, khai thác thông tin); khai thác qua cổng dịch vụ công quốc gia, cổng dịch vụ công Bộ Công an (theo hướng dẫn về kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Công an); khai thác qua ứng dụng định danh quốc gia; khai thác qua nền tảng định danh và xác thực điện tử; khai thác bằng văn bản yêu cầu khai thác, cung cấp thông tin.

- Nghị định số 2/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt với những nội dung quan trọng tạo điều kiện phát triển kinh tế số như: Bổ sung quy định về tiền điện tử, định nghĩa rõ tiền điện tử là gì, những ứng xử pháp lý của Việt Nam với tiền điện tử; bổ sung quy định về thanh toán quốc tế; sửa đổi, bổ sung quy định về mở và sử dụng tài khoản thanh

toán điện tử; bổ sung quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đối với doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích.

- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử. Đây là quy định pháp lý làm nền tảng để thúc đẩy phát triển công dân số, xã hội số. Một số quy định như: trẻ dưới 14 tuổi sẽ được cấp tài khoản định danh điện tử riêng từ ngày 01/7/2024; bổ sung các quy định mới về việc sử dụng tài khoản định danh điện tử, tài khoản giao dịch điện tử khác do cơ quan, tổ chức, cá nhân tạo lập; Quy định làm rõ thêm việc sử dụng tài khoản giao dịch điện tử; Quy định bao quát hơn về giá trị chứng minh của thông tin định danh điện tử, thông tin tài khoản điện tử. Với Nghị định này, lần đầu tiên định nghĩa căn cước điện tử, việc sử dụng căn cước điện tử thông qua việc truy cập vào tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của công dân có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ CCCD, thẻ căn cước còn hiệu lực trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác; Nghị định cũng bổ sung các quy định mới về xác thực điện tử;...

2. Về lãnh đạo, điều hành triển khai chuyển đổi số

Các hoạt động trọng tâm trong 6 tháng đầu năm 2024:

- Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, các Ban chỉ đạo về chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương được đẩy mạnh hoạt động, tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành chuyển đổi số: trong 06 tháng đầu năm 2024, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã tổ chức **01** phiên họp toàn thể (phiên họp lần thứ 8 ngày 24/4/2024) và **05** Hội nghị chuyên đề, gồm: 1) Hội nghị chuyên đề Thúc đẩy số hóa ngành nông nghiệp, tổ chức ngày 14/5/2024; 2) Hội nghị giới thiệu mô hình chuyển đổi số cấp bộ, ngành tại Tòa án nhân dân tối cao, tổ chức ngày 16/6/2024; 3) Hội nghị Sơ kết 01 năm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ “điểm nghẽn” Đề án 06 và đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế; 4) Hội nghị “Ngày chuyển đổi số” ngành Ngân hàng năm 2024 với chủ đề “Mở rộng kết nối và phát triển hệ sinh thái số”, tổ chức ngày 08/5/2024; 5) Hội nghị chuyên đề về kinh tế số - thúc đẩy chuyển đổi số bán buôn, bán lẻ tổ chức ngày 26/6/2024.

- Thường xuyên kiện toàn Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, các Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương: Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, các Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương thường xuyên được quan tâm kiện toàn, bảo đảm công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành về chuyển đổi số của quốc gia, của các bộ, ngành, địa phương kịp thời, hiệu quả. Trong 06 tháng

đầu năm, Ủy ban Quốc gia đã được kiện toàn thành viên Bộ TT&TT, đang kiện toàn thành viên Ủy ban Quốc gia đối với thành viên là Bộ trưởng Bộ Công an. Một số Ban chỉ đạo chuyên đổi số các bộ, ngành, địa phương cũng thường xuyên được kiện toàn nhằm tăng cường công tác chỉ đạo, phát huy hiệu quả chỉ đạo chuyển đổi số, gắn kết chặt chẽ với công tác chỉ đạo cải cách hành chính. Trong 06 tháng đầu năm một số bộ, địa phương đã kiện toàn như Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp, UBND các tỉnh: Lạng Sơn, Kon Tum, Thừa Thiên - Huế, Thanh Hóa,...

- Chính phủ thường xuyên đánh giá, chỉ đạo hoạt động chuyển đổi số quốc gia thông qua các phiên họp Chính phủ thường kỳ: Định kỳ hàng tháng Bộ TT&TT báo cáo tình hình chuyển đổi số quốc gia, Bộ Công an báo cáo tình hình thực hiện Đề án 06/CP để Chính phủ xem xét, điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Kịp thời chỉ đạo các hoạt động chuyển đổi số gắn liền với điều hành, phát triển kinh tế - xã hội thông qua các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ.

- Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương được quan tâm đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên, hiện nay mới chỉ có **12/22** bộ, cơ quan ngang bộ⁴ và **43/63** tỉnh, thành phố⁵ đã ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương.

- Hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các bộ, ngành địa phương được quan tâm, tuy nhiên, hiện nay mới chỉ có **19** bộ, ngành, địa phương có kế hoạch thực hiện kiểm tra giám sát chuyển đổi số trong năm.

3. Về phát triển dữ liệu số

Các cơ quan nhà nước tiếp tục tạo lập, khai thác sử dụng, vận hành các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong quản lý, điều hành kinh tế xã hội. Trong đó, ***đã đạt được một số kết quả nổi bật:***

- Các CSDL quốc gia thường xuyên được ***phát triển, tạo lập, chia sẻ, khai thác dữ liệu tốt, hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ***

⁴ Các bộ, ngành chưa ban hành gồm: Bộ Quốc phòng; Bộ Công Thương; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nội vụ; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thanh tra Chính phủ; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; BQL Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam Đài Truyền hình Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam; Ủy ban quản lý vốn nhà nước

⁵ Các địa phương chưa ban hành: Bạc Liêu; Bến Tre; Bình Định; Bình Dương; Bình Thuận; Cà Mau; Hải Dương; Lâm Đồng; Nam Định; Ninh Thuận; Phú Thọ; Phú Yên; Quảng Bình; Tây Ninh; Thái Nguyên; TP. Hà Nội; TP. Hải Phòng; Tp. Hồ Chí Minh; Trà Vinh; Vĩnh Phúc

cho người dân, doanh nghiệp. Điền hình như:

+ **Dữ liệu về dân cư:** CSDL quốc gia về dân cư đã xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng trên phạm vi toàn quốc, thực hiện chia sẻ dữ liệu để phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các bộ, ngành, địa phương; thực hiện đồng bộ, làm sạch dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, trong cung cấp dịch vụ cho người dân như Bảo hiểm xã hội, Y tế, Ngân hàng, Giao thông vận tải,... **Kết quả nổi bật:** dựa trên CSDL quốc gia về dân cư đã: (1) Xác thực được hơn **97,6 triệu** thông tin nhân khẩu trong CSDL do BHXH Việt Nam quản lý; (2) Làm sạch **13.366** dữ liệu người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán; đang phối hợp, làm sạch trên **7 triệu** thông tin các nhà đầu tư trong nước tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam, góp phần minh bạch hóa hoạt động chứng khoán, chống thất thu thuế; (3) Làm sạch dữ liệu trên **106 nghìn** hồ sơ sinh viên tốt nghiệp năm 2023 và thực hiện đồng bộ dữ liệu về người lao động, việc làm của **23 nghìn** sinh viên tốt nghiệp năm 2023, phục vụ thống kê, đánh giá tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp và dự báo xu hướng nghề nghiệp; (4) Làm sạch **34,9 triệu** dữ liệu giấy phép lái xe (**đạt tỷ lệ 96,4%**) cho Bộ Giao thông vận tải; (5) Làm sạch **861.835 hồ sơ** CBCC (**đạt tỷ lệ 88,86%**) cho Bộ Nội vụ; và (6) Xác thực, làm sạch hơn **110,2 triệu** dữ liệu thông tin thuê bao di động do các doanh nghiệp Viễn thông;...

+ **Dữ liệu về đất đai:** CSDL đất đai quốc gia đang được Bộ Tài nguyên và Môi trường, các địa phương xây dựng, vận hành. Tại trung ương: gồm 04 khối dữ liệu đất đai do Trung ương quản lý gồm cơ sở dữ liệu về thống kê, kiểm kê đất đai; cơ sở dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cơ sở dữ liệu về giá đất; cơ sở dữ liệu về điều tra, đánh giá đất đai. Tại địa phương: 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã và đang triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (455/705 đơn vị cấp huyện hoàn thành CSDL địa chính; 705/705 đơn vị cấp huyện đã hoàn thành cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai (từ kỳ kiểm kê 2019); 325/705 đơn vị cấp huyện hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; 300/705 đơn vị cấp huyện đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất. **Kết quả nổi bật:** (1) Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai (48/63 tỉnh, thành phố đã kết nối, liên thông giữa cơ quan Đăng ký đất đai với cơ quan Thuế); và (2) Với việc triển khai CSDL đất đai quốc gia, các địa phương đã từng bước sử dụng làm công cụ quản lý đất đai, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đất đai đã được rút ngắn đáng kể từ 15% - 45% so với trước đây; giảm thiểu thời gian người dân, doanh nghiệp phải đi lại để thực hiện thủ tục hành chính về đất đai.

+ **Dữ liệu về bảo hiểm:** Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam đang phối hợp các bộ, ngành phát triển CSDL quốc gia về bảo hiểm. Hiện nay, đã hoàn thiện kho dữ liệu với hơn 98 triệu dân, khoảng 27 triệu hộ gia đình. **Kết quả nổi bật:** (1) **Đã xác thực hơn 96,8 triệu thông tin nhân khẩu** (tăng 3,1 triệu so với năm 2023, tương đương khoảng 3,3%) trong CSDL do BHXH Việt Nam quản lý, trong đó có gần 87 triệu người (tăng 2,3 triệu so với năm 2023, tương đương khoảng 2,7%) đang tham gia, thụ hưởng BHXH, BHYT, BHTN, chiếm 97,8% tổng số người tham gia (không bao gồm lực lượng vũ trang, thân nhân quân đội) với CSDL quốc gia về dân cư; và (2) **Dữ liệu bảo hiểm xã hội đã và đang được kết nối, chia sẻ dữ liệu với 9 bộ và 63 địa phương:** Bộ Y tế (dữ liệu giấy khám sức khỏe lái xe, dữ liệu giấy chứng sinh, giấy báo tử); Bộ Tài chính (tiếp nhận thông tin quyết toán thuế thu nhập cá nhân, quyết toán thuế của đơn vị, thông tin đăng ký thuế); Bộ Kế hoạch và đầu tư (liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia BHXH, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp để đối khớp chính xác thông tin cho việc đăng ký mới thông tin tham gia BHXH của doanh nghiệp); Bộ Lao động Thương binh và xã hội (chia sẻ, khai thác nhóm thông tin về BHXH, tình hình sử dụng lao động); Bộ Tài nguyên và Môi trường (đang phối hợp xây dựng quy chế kết nối, chia sẻ thông tin quá trình đóng BHXH; Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ theo dõi tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, dự báo xu hướng nghề nghiệp); Văn phòng Chính phủ (thông tin giải quyết thủ tục hành chính); Bộ Tư pháp, Bộ TT&TT và UBND các tỉnh, thành phố (triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu để tiếp nhận, liên thông dữ liệu đăng ký khai sinh từ Bộ Tư pháp để thực hiện cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi tại 63/63 cơ quan BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

+ **Dữ liệu về cán bộ công chức và viên chức:** CSDL quốc gia về cán bộ công chức, viên chức đã tạo lập được khoảng 2,5 triệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trên phạm vi toàn quốc. **Kết quả nổi bật:** các cơ quan tiếp tục kết nối và đồng bộ dữ liệu với CSDL cán bộ, công chức, viên chức. Hiện nay, 36 bộ, ngành, cơ quan Trung ương (tăng 03 cơ quan so với năm 2023) và 63/63 địa phương hoàn thành việc hiện kết nối, đồng bộ dữ liệu với CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (đạt tỷ lệ 100%) với tổng số dữ liệu đồng bộ là 2.380.552 (trong đó, của cơ quan trung ương là 261.900 dữ liệu; địa phương là 2.118.652 dữ liệu), tăng gần 100.000 dữ liệu được đồng bộ so với năm 2023.

- Dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung tiếp tục được các bộ, ngành, địa phương thúc đẩy. Đến nay đã có 17 bộ, ngành (đạt 74%, tăng 10% so với năm 2023) và

54/63 địa phương (đạt 85,7%, tăng 4,8%)⁶ đã ban hành hành danh mục CSDL dùng chung theo quy định; đã có **14** bộ, ngành⁷ (đạt 60,9%, tăng 30,4% so với năm 2023) và **42/63**⁸ địa phương (đạt 66,7%, tăng 11,1% so với năm 2023) đã ban hành hành danh mục, kế hoạch cung cấp dữ liệu mở. **Kết quả nổi bật:** Số CSDL được xác lập trên toàn quốc tiếp tục **tăng 394** CSDL lên **2.699** CSDL, tương đương **17,3%** so với năm 2023.

- Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước phục vụ công tác điều hành, quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ cho người dân doanh nghiệp tiếp tục được các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh. Điển hình như CSDL quốc gia về dân cư đã kết nối với **18** bộ, ngành; **63** tỉnh, thành phố và **04** doanh nghiệp; CSDL quốc gia về bảo hiểm đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với **09** bộ, ngành và **63** địa phương; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia đã kết nối giữa các hệ thống thông tin, CSDL của **95** cơ quan, đơn vị, ... **Kết quả nổi bật:** Tỷ lệ tra cứu, xác thực, khai thác thông tin dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính ngày càng tăng (điển hình trong tháng 4/2024, đã tiếp nhận 1,53 tỷ yêu cầu, tăng hơn **15,96** triệu yêu cầu so với tháng 3/2024 giúp tiết kiệm chi phí thực hiện các thủ tục kiểm tra xác minh, sao in hồ sơ, giấy tờ tùy thân); giao dịch qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia 6 tháng đầu năm tăng **67%** so với cùng kỳ năm 2023 (484 triệu giao dịch so với 289 triệu giao dịch 6 tháng đầu năm 2023), bằng **74,5%** cả năm 2023.

- Tính đến hết tháng 6/2024, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cấp bộ là 46,36% (tăng 22,14% so với cùng kỳ năm 2023), của địa phương đạt 58,12% (tăng 14,56% so cùng kỳ năm 2023). Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại bộ, ngành đạt 46,38% (tăng 22,14% so với cùng kỳ năm 2023), tại địa phương đạt 64% (tăng hơn 24,46% so với cùng kỳ năm 2023).

Tồn tại:

- Chưa có nhiều cơ sở dữ liệu quốc gia được hoàn thiện, chia sẻ dữ liệu rộng khắp cho các bộ, ngành, địa phương khai thác sử dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp.

6 Các cơ quan, địa phương chưa ban hành gồm: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ TNMT, Thanh tra Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Bảo hiểm Xã hội; Bến Tre, Kiên Giang, Lai Châu, Nam Định, Phú Yên, Quảng Ninh, Trà Vinh.

7 Các bộ chưa ban hành: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Nội vụ; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Chính phủ.

8 Các địa phương chưa ban hành: Bà Rịa-Vũng Tàu; Bến Tre; Hà Tĩnh; Hải Dương; Khánh Hòa; Kiên Giang; Kon Tum; Lai Châu; Nam Định; Ninh Thuận; Phú Yên; Quảng Bình; Quảng Ninh; Quảng Trị; Thái Nguyên; Thừa Thiên - Huế; TP. Cần Thơ; TP. Hải Phòng; TP. Hồ Chí Minh; Trà Vinh; Vĩnh Phúc

- Số bộ, ngành, địa phương chưa ban hành danh mục CSDL và danh mục dữ liệu mở còn nhiều (15 bộ, ngành, địa phương chưa ban hành danh mục CSDL và 30 bộ, ngành địa phương chưa có kế hoạch cung cấp dữ liệu mở).

4. Về phát triển hạ tầng số

Bộ TT&TT tiếp tục đẩy mạnh tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số quốc gia, trong đó, một số kết quả nổi bật:

- Hạ tầng cáp quang với trên 1 triệu km được triển khai đến tận thôn, bản, xã, phường trên cả nước, 100% xã, phường, thị trấn kết nối Internet cáp quang. Sóng di động 4G đã phủ tới 99,8% dân số tại tất cả các vùng miền của tổ quốc và 100% các xã, phường trên cả nước. **Kết quả nổi bật:** (1) Toàn quốc có thêm khoảng 682.000 hộ gia đình sử dụng Internet cáp quang băng rộng, đưa tổng số hộ gia đình sử dụng Internet cáp quang băng rộng đạt 82,2% (tăng 3,2% so với năm 2023); (2) khoảng 4,9 triệu thuê bao sử dụng điện thoại thông minh, đưa tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 84% (tăng 4,8% so với năm 2023). **Tồn tại:** Số điểm lờm sóng vẫn còn cao, 06 tháng đầu năm phủ sóng di động đạt 256 điểm/tổng số 1077 điểm lờm sóng.

- Về hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây: Số bộ, ngành, địa phương đã triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đạt 71,43%. Việt Nam có 13 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, 46 trung tâm dữ liệu với tổng số gần 28.000 racks. **Kết quả nổi bật:** Việt Nam có thêm 01 Trung tâm dữ liệu hiện đại, lớn nhất cả nước của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (Viettel) triển khai với các công nghệ mới nhất, được khai trương ngày 10/04/2024 với công suất 30MW; 60.000 máy chủ; hơn 2.400 rack; 21.000m² mặt sàn.

- Chuyển đổi Internet Việt Nam sang IPv6: Tỷ lệ sử dụng IPv6 Việt Nam đạt 60%. Việt Nam đi đầu trong chuyển đổi IPv6, thứ 8 toàn cầu, thứ 2 khu vực ASEAN, trên một số nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Anh, Nhật, Úc, Canada. 100% (93/93) các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện kế hoạch chuyển đổi IPv6, song song với việc tái cơ cấu hạ tầng mạng, dịch vụ.

Ngoài ra, hạ tầng số vẫn tiếp tục được đầu tư, duy trì, phát triển đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số quốc gia với một số nội dung như:

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn kết nối các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số. Đến nay, Mạng đã kết nối đến 100% huyện, 100% xã trên toàn quốc.

- Triển khai cung cấp dịch vụ 5G: Đã cấp Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng công nghệ 5G cho Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

- Chất lượng mạng băng rộng cố định và di động được cải thiện: Theo số liệu từ hệ thống I-speed cũng như của Speedtest đều cho thấy tốc độ mạng băng rộng cố định và mạng băng rộng di động của Việt Nam đều đang được cải thiện so với cùng kỳ năm 2023 và đầu năm 2024, cụ thể: Tốc độ download mạng băng rộng di động (Mbps) tăng 10,42% so với đầu năm 2024, Tốc độ download mạng băng rộng cố định (Mbps) tăng 27,13% so với đầu năm 2024⁹. Bộ TT&TT đang tiếp tục chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo đảm tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và mục tiêu đã được nêu tại Quy hoạch hạ tầng ngành Thông tin và Truyền thông.

5. Về phát triển chính phủ số

a) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình **đạt 48%**.

- Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đối với các DVC trực tuyến toàn trình của các bộ, ngành **đạt 61%**; cấp tỉnh, thành phố **đạt 17%**. Trung bình toàn quốc **đạt 42%**.

- **17/20** bộ, ngành¹⁰ đã công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình để tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn quốc.

Điển hình: Đà Nẵng là địa phương đạt tỷ lệ 67% hồ sơ nộp trực tuyến đối với các DVC trực tuyến toàn trình.

Tồn tại: Vẫn còn 03 cơ quan chưa công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

b) Các giải pháp để nâng cao hiệu quả cung cấp DVC trực tuyến

- Các bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Trong đó, giải pháp **đặc biệt:** Năm 2024 là năm đầu tiên, sau khoảng 20 năm làm dịch vụ công trực tuyến, việc đo lường dịch vụ công trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương được **thực hiện trực tuyến bằng công cụ giám sát, đo lường điện tử** (hệ thống EMC); Năm 2024 cũng là **năm đầu**

⁹ Nguồn số liệu <https://www.speedtest.net/>

¹⁰ Còn 03 cơ quan chưa công bố gồm: Bộ Ngoại giao, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng (Ủy ban dân tộc, Thanh tra Chính phủ không cung cấp dịch vụ công).

tiên thực hiện đánh giá các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương (đánh giá đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật). Kết quả đánh giá đối với các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh của **21/21**¹¹ bộ, cơ quan ngang bộ và **63/63** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bộc lộ nhiều hạn chế, yêu cầu các bộ, ngành, địa phương phải quan tâm, nâng cấp, phát triển để cung cấp dịch vụ công trực tuyến hiệu quả. Cụ thể, kết quả đánh giá cho thấy **05/21** bộ, ngành đạt mức độ C, **01/21** bộ, ngành mức D, **15/21** bộ, ngành mức độ E; **39/63** địa phương mức độ C, **24/63** địa phương mức độ D và **9/63** địa phương mức độ E. **Tồn tại:** Không có bộ, ngành, địa phương nào đạt mức độ A, B. Điều này, phản ánh chất lượng các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính có nhiều hạn chế, cần phải đặc biệt quan tâm.

- Các giải pháp khác đã thực hiện đem lại kết quả bao gồm:

+ **63/63** địa phương, **13/22** bộ, ngành hoàn thành việc nâng cấp, hoàn thiện đáp ứng quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công;

+ **61/63** địa phương và **11/20** bộ, ngành¹² hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

+ **100%** Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, tỉnh kết nối với VNeID thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia để cho phép người dân sử dụng VNeID làm tài khoản thực hiện dịch vụ công trực tuyến;

+ Thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Cho đến nay đã có 83,5% điểm bưu điện/bưu cục trong hệ thống mạng bưu chính của Tổng Công ty bưu điện Việt Nam thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và hướng dẫn người dân thực hiện DVC trực tuyến, đã hướng dẫn được trên 1,3 triệu lượt.

c) Cung cấp dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công quốc gia:

- *Tài khoản đăng ký sử dụng:* đến nay có hơn 16,4 triệu tài khoản, tăng 4,8 triệu tài khoản so với năm 2023 (11,6 triệu tài khoản).

¹¹ VPCP không có hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

¹² 09 bộ, ngành và 02 địa phương chưa hoàn thành kết nối gồm: Bộ Công an; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Y tế; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Công Thương; Bộ Tài chính; Bộ Ngoại giao và Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; tỉnh Phú Yên, tỉnh Bạc Liêu.

- *Hồ sơ thực hiện qua Cổng*: trong 06 tháng đầu năm hơn 13,9 triệu hồ sơ; hơn 7,4 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 4.620 tỷ đồng (tương đương 34,9% giao dịch, 48,6% giá trị thanh toán trực tuyến của cả năm 2023).

- *Số dịch vụ cung cấp*: 4.510 dịch vụ (chiếm 71,7% tổng số 6.287 thủ tục hành chính), trong đó, đã tích hợp, cung cấp 25/25 dịch vụ công theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 và 18/28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022;

- *Số hệ thống, CSDL kết nối*: 150 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các Cơ quan, đơn vị.

d) Nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành Chính quyền các cấp

- Trục liên thông văn bản quốc gia tiếp tục được phát triển, khai thác sử dụng hiệu quả: Trong 6 tháng đầu năm 2024, số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục là trên **5,2 triệu** văn bản, **tăng gấp 1,3** lần so với cùng kỳ năm 2023. Tính đến nay có 40,5 triệu văn bản gửi, nhận qua Trục liên thông. Tính riêng số liệu thống kê tháng 6 số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia là 927.569 văn bản điện tử, trong đó gửi là 271.368, nhận là 656.201.

- Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ: Trong 6 tháng đầu năm 2024, Hệ thống đã phục vụ 12 phiên họp và xử lý 287 Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế hơn 109 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy. Lũy kế đến nay, Hệ thống đã phục vụ 99 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 2.288 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế hơn 789 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy.

- Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Trong 6 tháng đầu năm đã xây dựng 05 Infographic báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ phiên họp Chính phủ thường kỳ; đã cập nhật 964 file dữ liệu lên kho dữ liệu nội dung; tiếp tục xây dựng và cập nhật kho dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, đã có **69/179** chế độ báo cáo được tích hợp hoặc nhập liệu trực tiếp trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành của **15** bộ, cơ quan, tập đoàn, tổng công ty nhà nước và **63** địa phương để cung cấp thông tin, dữ liệu với 38 chỉ tiêu thông tin trực tuyến; hình thành 04 bộ chỉ số điều hành; thống kê; theo dõi, giám sát; kinh tế - xã hội địa phương.

đ) Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chống thất thu ngân sách nhà nước:

- Triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền chống thất thu thuế, thất thu ngân sách: Bộ Tài chính tiếp tục đẩy mạnh giải pháp triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống, chống thất thu thuế, thất thu ngân sách. Tính đến ngày 14/6/2024, có **67.658** doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký (tăng 28.999 doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tương đương tăng **71,9%** so với tháng 12/2023) sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền thành công với số lượng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền là **516,05** triệu hóa đơn. Số lượng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đã sử dụng gấp **5,2** lần so với cả năm 2023. **Điển hình:** Các địa phương có số lượng hóa đơn điện tử khởi tạo máy tính tiền sử dụng lớn như: Thành phố Hồ Chí Minh (217,8 triệu), Hà Nội (48 triệu), Bình Dương (12,8 triệu), Đồng Nai (12 triệu), Đà Nẵng (11,1 triệu). **Nổi bật là:** Thành phố Hà Nội khi sử dụng hóa đơn giấy hàng tháng 4.443 tổ chức doanh nghiệp và 1.623 hộ kinh doanh doanh thu bình quân khoảng 10.941 tỷ đồng (với các tổ chức doanh nghiệp). Khi sử dụng hóa đơn điện tử thu hơn 13.000 tỷ (tăng 3.000 tỷ/tháng). Và khi sử dụng giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền thu trên 14.000 tỷ đồng (tăng 1.000 tỷ/tháng).

- Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh xuyên biên giới: Bộ Tài chính đã hoàn thành xây dựng Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế. Tính đến ngày 22/5/2024, đã có 97 nhà cung cấp nước ngoài thực hiện đăng ký, kê khai và nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử đến từ nhiều quốc gia như Hoa Kỳ; Singapore; Ireland; Anh... với tổng số thuế đã nộp là 15.603 tỷ đồng.

- Quản lý thuế đối với các sàn thương mại điện tử: Bộ Tài chính (Tổng cục thuế) đã vận hành Cổng thông tin thương mại điện tử để tiếp nhận dữ liệu của các sàn giao dịch thương mại điện tử. Tính đến Quý I/2024 đã ghi nhận 380 sàn giao dịch thương mại điện tử cung cấp thông tin đến cơ quan thuế.

6. Về phát triển kinh tế số và xã hội số

a) Tình hình phát triển kinh tế số:

Chính phủ đã lựa chọn chủ đề chuyên đề số quốc gia năm 2024 là “Phát triển kinh tế số với 4 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững”.

Về đo lường tỷ trọng kinh tế số trên GDP: Tính đến thời điểm hiện tại, 07

quốc gia đã công bố kết quả đo lường tỷ trọng kinh tế số trên GDP, trong đó: 04/07 quốc gia là cơ quan quản lý chuyên ngành công bố (Hoa Kỳ, New Zealand; Singapore; Thái Lan); 02/07 quốc gia là cơ quan thống kê công bố (Canada, Malaysia); 01/07 quốc gia đang sử dụng số liệu của cả cơ quan thống kê và cơ quan quản lý chuyên ngành (Trung Quốc). Một số nước đã lập ra phương pháp riêng khác với phương pháp thống kê truyền thống trong đo lường kinh tế số ngành, lĩnh vực (trụ cột số hóa ngành kinh tế) như Trung Quốc và Singapore.

Từ kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy: Cục Thống kê quốc gia công bố số liệu kinh tế số giới hạn ở phạm vi kinh tế số ICT (trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin) để đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn thống kê quốc tế. Học viện Công nghệ thông tin và Truyền thông Trung Quốc (CAICT) thuộc Bộ Công nghiệp và công nghệ thông tin (CNTT) công bố số liệu đo lường kinh tế số ở góc nhìn cơ quan nghiên cứu nhằm xác định được xu hướng phát triển kinh tế số, làm cơ sở để các bộ, ngành, địa phương theo dõi, thúc đẩy.

Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất:

- Chính phủ giao Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) nghiên cứu, công bố số liệu chính thức đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn thống kê quốc tế.

- Chính phủ cho phép Bộ Thông tin và Truyền thông sử dụng số liệu nghiên cứu của Học viện Công nghệ Bưu chính, Viễn thông (Bộ Thông tin và Truyền thông) để điều hành phát triển kinh tế số quốc gia và các bộ, ngành, địa phương.

Theo số liệu nghiên cứu của Học viện Công nghệ Bưu chính, Viễn thông:

- Tăng trưởng kinh tế số 6 tháng đầu năm khoảng **22,4%**. Tỷ trọng kinh tế số trong GDP 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt: **18,3%**.

- Kinh tế số ICT 6 tháng đầu năm 2024 chiếm khoảng 60% tổng kinh tế số, ước tăng trưởng **26%** so với cùng kỳ năm 2023.

- Kinh tế số ngành, lĩnh vực 6 tháng đầu năm 2024 chiếm khoảng 40% tổng kinh tế số, ước tăng trưởng **21,5%** so với cùng kỳ năm 2023.

+ Đặc biệt thương mại điện tử 6 tháng đầu năm 2024 (bao gồm cả TMĐT qua sàn và TMĐT qua mạng xã hội) ước đạt mức tăng trưởng **49%** so với cùng kỳ năm 2023.

Cụ thể như sau:

Công nghiệp công nghệ thông tin:

Tổng doanh thu lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt **1.928.311** tỷ đồng, ước tăng trưởng **26%** so với cùng kỳ năm 2023.

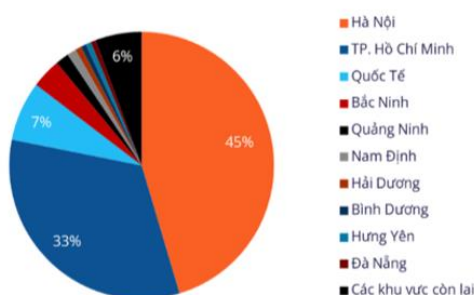
Trong đó: Doanh thu: Lĩnh vực phần cứng điện tử: **1.753.071** tỷ đồng; Phần mềm: **57.000** tỷ đồng; Nội dung số: **8.500** tỷ đồng; Dịch vụ CNTT: **52.400** tỷ đồng và Viễn thông: **69.940** tỷ đồng.

Số doanh nghiệp công nghệ số đang hoạt động là **50.350** doanh nghiệp, tăng **8%** so với cùng kỳ năm 2023.

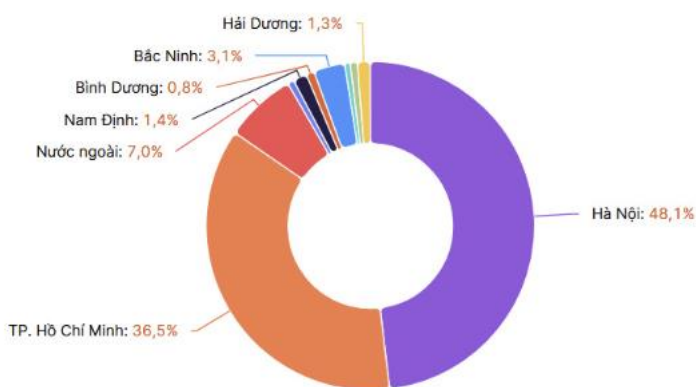
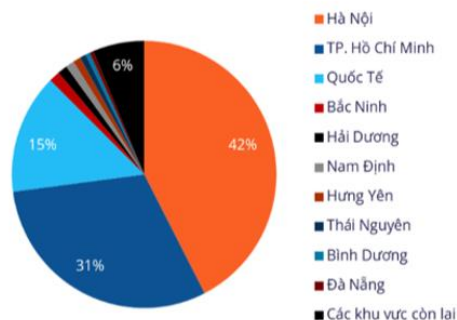
Số hóa các ngành kinh tế (hay gọi là kinh tế số ngành, lĩnh vực):

- Thương mại điện tử (TMĐT): 6 tháng đầu năm 2024 tăng trưởng mạnh:
 - + Tổng doanh số trên 5 sàn bán lẻ trực tuyến 6 tháng đầu năm 2024 đạt trên 97 nghìn tỷ đồng, tăng 80% so với cùng kỳ năm 2023;
 - + Tổng số sản phẩm được giao thành công trên 5 sàn bán lẻ trực tuyến đạt 1.096,3 triệu đơn vị sản phẩm, tăng 67% so với cùng kỳ năm 2023;
 - + Tổng số sản phẩm có lượt bán thành công trên 5 sàn bán lẻ trực tuyến đạt 11,4 triệu sản phẩm có lượt bán, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2023.

Thị phần **doanh số** theo địa điểm đặt kho



Thị phần về **sản lượng bán** theo địa điểm đặt kho



Hình 1. Thống kê TMĐT 6 tháng đầu năm 2024 theo doanh số vùng, miền

- Hiện nay tỷ trọng TMĐT/tổng bán lẻ ở Việt Nam mới đạt khoảng **8%** trong khi trung bình thế giới là **19,4%**. Một số quốc gia như Trung Quốc 43%, Anh 35%, Hàn Quốc 28%, Mỹ 26%.

Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) chuyển đổi số: Tính đến 15/6/2024, số lượt doanh nghiệp tiếp cận Chương trình: **1.233.336** lượt, tăng **14%** so với cuối năm 2023; Số lượng doanh nghiệp SME sử dụng nền tảng của Chương trình: **338.239** doanh nghiệp, tăng **68,3%** so với cuối năm 2023.

Triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money: Tính đến hết tháng 5/2024, tổng số khách hàng lũy kế đạt hơn **8,8** triệu khách hàng, trong đó **6,3** triệu khách hàng, chiếm **72%**. Mobile Money góp phần thực hiện mục tiêu của Chính phủ “không để ai ở lại phía sau”.

b) Về phát triển xã hội số, công dân số

- Tính đến hết 30/6/2024, tỷ lệ người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán đạt **87,08%**, vượt mục tiêu đề ra cho năm 2025 là **80%** tại Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tính đến hết 30/6/2024, Bộ Công an cấp trên **86,3** triệu thẻ căn cước công dân gắn chip cho 100% công dân có đủ điều kiện trên địa bàn toàn quốc.

- Bộ Công an đã thu nhận trên **75,7** triệu hồ sơ định danh điện tử (tăng **5,5** triệu tài khoản so với tháng 12/2023), vượt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao trên **35** triệu tài khoản trước 01 năm, kích hoạt trên **55,25** triệu tài khoản định danh điện tử (tăng **5,55** triệu tài khoản so với tháng 12/2023), tỷ lệ kích hoạt trên tổng số hồ sơ thu nhận đạt **72,98%**. Hoàn thành cung cấp 10 tiện ích trên VNeID theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, được người dân hưởng ứng sử dụng với hơn **246,3** triệu lượt truy cập, trung bình có 1,5 triệu lượt truy cập vào VNeID/ngày

- Trong 06 tháng đầu năm 2024, Việt Nam tiếp tục giữ thứ hạng **11** toàn cầu về số lượng lượt tải ứng dụng di động và thứ hạng **31** toàn cầu về doanh thu thanh toán qua ứng dụng.

- Việt Nam ghi nhận xu hướng gia tăng tải xuống các ứng dụng trả phí với số liệu tăng trưởng tăng **11%** ứng dụng trả phí so với cùng kỳ trước. 07 ứng dụng Việt Nam có trên 10 triệu tài khoản người dùng hoạt động thường xuyên (chiếm 18,92% số ứng dụng thuộc nhóm này, gồm: Zalo, Zing Mp3, Momo, Báo Mới, VnEID, MBBank và Vietcombank); 10 ứng dụng có từ 5-10 triệu tài khoản người dùng hoạt động thường xuyên (chiếm 23,81% số lượng ứng dụng nhóm này) và 43 ứng dụng có từ 1-5 triệu tài khoản người dùng hoạt động thường xuyên (chiếm 24,02% số lượng ứng dụng nhóm này).

7. Về An toàn thông tin mạng

- Thời gian qua, xảy ra một số sự cố an toàn thông tin mạng, đặc biệt tấn công mã độc mã hóa tống tiền (ransomware), gây thiệt hại và làm gián đoạn dịch vụ trực tuyến của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Điển hình như các sự cố: VNDirect; PVoil; Itel; Wintel; VNPost; ... Việc khắc phục và phục hồi hoạt động sau sự cố còn chậm và lúng túng. Trước tình hình đó, Bộ TT&TT đã tham mưu đề Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/2/2024 về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 07/4/2024 về việc tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng. Thủ tướng đã chỉ đạo các cơ quan tập trung: (1) Tổng rà soát, đánh giá tình hình bảo đảm an toàn thông tin mạng (ATTTM) trên cả nước; (2) Tổ chức các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin (ATTT), đặc biệt là hoàn thành phê duyệt cấp độ (thời hạn: tháng 9/2024) và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm ATTT (thời hạn: tháng 12/2024) đối với 100% hệ thống thông tin; (3) Hạng mục về ATTT là bắt buộc với tỷ lệ kinh phí tối thiểu 10% cần được bố trí khi triển khai chuyển đổi số, ứng dụng CNTT; (4) Tuân thủ nghiêm túc các quy định, quy trình khi xảy ra sự cố tấn công mạng để đảm bảo hoạt động ứng cứu sự cố hiệu quả, nhất là việc khôi phục hoạt động của hệ thống thông tin và chia sẻ kinh nghiệm, bài học để chủ động ứng phó.

Theo thống kê của Bộ TT&TT trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, đến tháng 6/2024, cả nước hiện có 7.206 hệ thống thông tin (HTTT) trong các cơ quan, tổ chức nhà nước. Các bộ, ngành có 1.539 HTTT, các địa phương có 5.667 HTTT. Trong đó, cấp độ 1 có 3.309 HTTT (45,9%), cấp độ 2 có 2.914 HTTT (40,4%), cấp độ 3 có 955 HTTT (13,3%), cấp độ 4 có 23 HTTT (0,3%), cấp độ 5 có 05 HTTT (0,1%).

Số lượng HTTT đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ (HSDXCD) là 5.515 HTTT, tương đương 76,5%, tăng 11,5% so với năm 2023. Các bộ, ngành có 1.093 HTTT/1.539 HTTT, tương đương 71,1%; các địa phương có 4.422 HTTT/5.667 HTTT, tương đương 78%.

Số lượng HTTT đã được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn HTTT theo HSDXCD được duyệt là 4.068 HTTT, tương đương 56,5%, tăng khoảng 26,5% so với năm 2023. Các bộ ngành có 793 HTTT/1.539 HTTT, tương đương 51,5%; các địa phương có 3.275 HTTT/5.667 HTTT, tương đương 57,8%.

Với tình hình triển khai như trên, các cơ quan cần phải rất nỗ lực, sát sao thực hiện thì mới có thể hoàn thành thời hạn Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo về việc phê duyệt cấp độ (hạn tháng 9/2024), đặc biệt là triển khai đầy đủ phương án

bảo đảm ATTT (hạn tháng 12/2024) do phải thực hiện mua sắm/thuê dịch vụ bổ sung.

- Bộ TT&TT cũng đã có văn bản gửi các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (2516/BTTTT-CATTT, 2517/BTTTT-CATTT) để hướng dẫn 6 giải pháp trọng tâm nhằm tăng cường hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin và phục hồi nhanh hoạt động sau sự cố, bao gồm:

+ Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu ngoại tuyến “offline”. Với chiến lược sao lưu dữ liệu theo nguyên tắc 3-2-1: có ít nhất 03 bản sao dữ liệu, lưu trữ bản sao trên 02 phương tiện lưu trữ khác nhau, với 01 bản sao lưu ngoại tuyến “offline” (sử dụng tape/USB/ổ cứng di động,...).

Dữ liệu sao lưu “offline” phải được tách biệt hoàn toàn, không kết nối mạng, cô lập để phòng chống tấn công leo thang vào hệ thống lưu trữ. Căn cứ yêu cầu thực tế của HTTT và nhu cầu, năng lực của tổ chức để thực hiện sao lưu theo kỳ, đối tượng dữ liệu sao lưu (cấu hình của hệ thống và các phần mềm, ứng dụng; log file; dữ liệu quan trọng của hệ thống),... nhằm đảm bảo đủ điều kiện để có thể nhanh chóng khôi phục hoạt động của hệ thống nếu xảy ra tấn công mạng và phục vụ công tác điều tra số.

+ Triển khai giải pháp để sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin khi gặp sự cố, đưa hoạt động của hệ thống thông tin trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ.

Để đáp ứng việc này, tổ chức cần rà soát, cập nhật Kế hoạch ứng phó sự cố an toàn thông tin mạng, sẵn sàng các giải pháp dự phòng, thay thế. Đặc biệt cần tổ chức diễn tập phương án ứng cứu, khắc phục sự cố, phục hồi dữ liệu và sớm đưa hệ thống hoạt động trở lại bình thường sau sự cố tấn công mạng.

+ Triển khai các giải pháp, đặc biệt là giải pháp giám sát an toàn thông tin, để ngăn ngừa, kịp thời phát hiện sớm nguy cơ tấn công mạng đối với cả 3 giai đoạn: (1) xâm nhập vào hệ thống; (2) nằm gián điệp trong hệ thống; (3) khởi tạo quá trình phá hoại hệ thống.

Đặc biệt, giải pháp giám sát cần kịp thời phát hiện sớm khi kẻ tấn công (mã độc) khởi tạo quá trình phá hoại hệ thống, từ đó thực hiện các biện pháp cô lập, xử lý nhằm ngăn chặn lây lan, tấn công leo thang. Đây là thời điểm mấu chốt, quan trọng để bảo vệ hệ thống thông tin bên cạnh việc định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin và sẵn lòng các mối nguy hại.

+ Phân tách, kiểm soát truy cập giữa các vùng mạng và chuyển đổi, nâng

cấp các ứng dụng, giao thức, kết nối lạc hậu, không còn được hỗ trợ kỹ thuật sang phương án sử dụng các nền tảng, ứng dụng (app) để giảm thiểu nguy cơ tấn công mạng leo thang vào hệ thống thông tin thông qua máy tính, thiết bị đầu cuối của người dùng.

Việc phân loại các ứng dụng và phần mềm, giao thức, kết nối lạc hậu, không còn được hỗ trợ kỹ thuật hoặc có quyền truy cập trực tiếp đến hệ thống sang phương án sử dụng các ứng dụng (app/web based) để giảm thiểu nguy cơ tấn công mạng leo thang từ phía người dùng là rất quan trọng, có thể giảm thiểu được trên 90% nguy cơ mất an toàn hệ thống thông tin.

+ Tăng cường giám sát, quản lý các tài khoản quan trọng, tài khoản quản trị hệ thống bằng giải pháp xác thực 02 lớp (OTP, ...) hoặc giải pháp quản lý tài khoản đặc quyền (PIM/PAM) nhằm phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại trong trường hợp kẻ tấn công có được mật khẩu của tài khoản quản trị nhưng cũng không thể chiếm quyền điều khiển hệ thống do không có thông tin của lớp xác thực thứ hai.

+ Rà soát, khắc phục và không để xảy ra các lỗi cơ bản dẫn đến mất an toàn hệ thống thông tin. Trong đó, Bộ TT&TT khuyến nghị lưu ý, khắc phục 14 lỗi cơ bản thường mắc phải để giảm thiểu nguy cơ mất an toàn hệ thống thông tin. Việc triển khai các biện pháp này là dễ dàng, nhưng cần thay đổi thói quen trong việc quản trị, vận hành các hệ thống thông tin.

- Bên cạnh đó, ngày 02/7/2024, Bộ TT&TT đã có Văn bản số 2596/BTTTT-CATTT về việc ban hành tài liệu Hướng dẫn bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý cấp bộ, tỉnh. Đây là tài liệu hướng dẫn tổng thể về công tác bảo đảm an toàn hệ thống thông tin để triển khai trong thực tiễn với 5 nội dung là: (1) Xác định các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý cấp bộ, tỉnh; (2) Triển khai các biện pháp bảo vệ theo phương án được phê duyệt trong Hồ sơ đề xuất cấp độ; (3) Tổ chức bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp; (4) Sử dụng các nền tảng quốc gia hỗ trợ bảo đảm an toàn thông tin mạng; (5) Một số giải pháp tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin. Đề nghị các bộ, ngành, địa phương quan tâm tham khảo để việc triển khai hoạt động bảo đảm an toàn thông tin được tổng thể, đồng bộ và hiệu quả.

- Ước tính hiện nay, Việt Nam có có khoảng 15 triệu camera giám sát đang hoạt động. Các nguy cơ mất an toàn thông tin từ camera giám sát hiện nay như: tồn tại điểm yếu an toàn thông tin cho phép tin tặc tấn công khai thác; chính sách quản lý và thiết lập chính sách mật khẩu không an toàn; dễ dàng cài cắm phần mềm độc hại để chiếm quyền điều khiển camera, xem video trực tiếp hoặc ghi lại hình ảnh, video nhạy cảm; sử dụng dịch vụ camera do bên cung cấp thứ 3, cơ

quan, tổ chức có thể đối mặt với các rủi ro về rò rỉ dữ liệu. Trước tình hình đó, Bộ TT&TT đã có Quyết định số 724/QĐ-BTTTT ngày 06/5/2024 ban hành Bộ Tiêu chí về an toàn thông tin mạng cơ bản cho camera giám sát, với 10 nhóm tiêu chí cơ bản giúp các cơ quan, tổ chức có thể đánh giá, lựa chọn khi có nhu cầu triển khai camera giám sát. Đề nghị các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, áp dụng Bộ Tiêu chí để giảm thiểu nguy cơ mất an toàn thông tin từ camera giám sát. Đặc biệt, tùy theo đặc thù, yêu cầu thực tiễn của mình, các cơ quan có thể bổ sung thêm các yêu cầu kỹ thuật bên cạnh các nhóm tiêu chí này khi xác định, lựa chọn camera giám sát để sử dụng.

III. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ CHÍNH

1. Tỷ lệ thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình thấp, mới chỉ đạt 48%.

2. Trung tâm điều hành thông minh chưa có kịch bản điều hành dựa trên dữ liệu. Điều này dẫn tới chưa phát huy hiệu quả, chưa thúc đẩy phát triển dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

3. Chưa có hành lang pháp lý đầy đủ để dữ liệu trở thành đầu vào cho nền kinh tế.

4. Việc kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu theo hướng người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin 1 lần còn hạn chế. Tỷ lệ số hóa, tái sử dụng hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn thấp (tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa của bộ ngành chỉ đạt 1,13%, của địa phương chỉ đạt 10,35%)¹³.

5. Vẫn còn tình trạng nhân lực CNTT, ATTT trong các cơ quan nhà nước dịch chuyển sang khu vực tư nhân, nơi có thu nhập, phúc lợi tốt hơn; thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ CNTT, chuyển đổi số trong khu vực công. Trình độ nhận thức của lãnh đạo các cấp chưa đồng đều giữa các địa phương, vùng miền dẫn đến việc tiếp thu, ứng dụng chuyển đổi số vào kinh doanh, sản xuất còn thấp, hiệu quả chưa cao.

6. Công tác an toàn, an ninh thông tin còn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, tình trạng lừa đảo trực tuyến, giả danh vẫn diễn ra, có thể tiếp tục diễn biến phức tạp trong giai đoạn tới, nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; tốc độ lan truyền thông tin xấu trên mạng xã hội; người dân khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa, người yếu thế còn chưa có điều kiện tiếp cận đầy đủ, chính xác thông tin,...

¹³ Theo báo cáo 01 năm triển khai Công văn số 452/TTg-KSTT, ngày 23/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết các “điểm nghẽn” về Đề án 06

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 06 THÁNG CUỐI NĂM

1. Các bộ, ngành, địa phương:

- Ưu tiên nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số đã đề ra trong Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 của mình để hoàn thành hiệu quả các mục tiêu, giải pháp tại Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đã đặt ra vào năm 2025; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số đã đề ra trong Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024; thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại phiên họp lần thứ 7 (Văn bản số 203/TB-VPCP) đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ các nhiệm vụ theo Kế hoạch của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

- Hoàn thành việc phê duyệt HSDXCD (tháng 9/2024) và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm ATTT (tháng 12/2024) cho 100% HTTT thuộc phạm vi quản lý theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; triển khai 06 giải pháp trọng tâm theo hướng dẫn của Bộ TT&TT để tăng cường hiệu quả bảo đảm an toàn hệ thống thông tin.

2. Các bộ, ngành, địa phương chưa xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo năm 2024, chưa có kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số khẩn trương hoàn thành trước 20/7 để chỉ đạo, điều hành triển khai chuyển đổi số hiệu quả.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương hoàn thiện và ban hành phương pháp, tiêu chí đo lường chỉ tiêu thống kê về tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GDP và trong các ngành, lĩnh vực tại Việt Nam; đẩy mạnh số hóa các hoạt động của các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

4. Bộ Tài chính khẩn trương xây dựng, ban hành Kế hoạch, lộ trình sử dụng biên lai phí, lệ phí điện tử đối với tất cả các ngành, lĩnh vực; Hoàn thành, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản: mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị máy móc; thời hạn hoàn thành: tháng 7.

5. Các bộ Xây dựng, Công Thương và các bộ, ngành liên quan đẩy mạnh số hóa các ngành xây dựng; điện, năng lượng, chế biến, chế tạo. Các bộ, ngành khác thực hiện số hóa các ngành kinh tế theo nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Thông báo kết luận số 203/TB-VPCP phiên họp Ủy ban Quốc gia lần thứ 7.

6. Bộ TT&TT:

- Hoàn thành Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế số - xã hội số giai đoạn 2024-2025 (tháng 8); Xây dựng, trình ban hành Đề án phát triển kinh tế số vùng Tây Nguyên; thời hạn hoàn thành tháng 9.

- Hoàn thành, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích; thời hạn hoàn thành: tháng 8.

- Triển khai thương mại hóa dịch vụ 5G và đẩy mạnh các giải pháp xóa vùng lõm sóng di động trên phạm vi toàn quốc.

- Phối hợp Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành, hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động năm 2024 - 2025 về chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến, dựa trên dữ liệu; hoàn thành trong tháng 8.

- Tổ chức hội nghị chuyên đề về DVC trực tuyến trên cơ sở kết quả triển khai tại một địa phương; hoàn thành trong tháng 7.

- Tổ chức hội nghị chuyên đề về trung tâm điều hành thông minh trên cơ sở kết quả triển khai tại một địa phương; hoàn thành trong tháng 8.

- Tổ chức hội nghị chuyên đề về hoàn thiện CSDL cấp bộ, địa phương trên cơ sở kết quả triển khai tại một bộ, một địa phương; hoàn thành trong tháng 9.

- Phối hợp Bộ Công Thương tổ chức hội nghị chuyên đề về chương trình hành động đồng hành cùng các địa phương thực hiện chương trình chuyển đổi số hoạt động TMĐT trong bán buôn, bán lẻ; hoàn thành trong tháng 9.

- Hoàn thiện thể chế về AI theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao.

7. Bộ Tư pháp nghiên cứu, có giải pháp chia sẻ các dữ liệu hộ tịch, đặc biệt là dữ liệu khai sinh, khai tử, đăng ký kết hôn, cải chính hộ tịch cho các bộ, ngành, địa phương để nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ được giao, phục vụ Bộ Công an triển khai Luật Căn cước 2023 có hiệu lực từ ngày 01/7/2024.

8. Bộ Y tế xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số y tế đến năm 2030.

9. Văn phòng Chính phủ hoàn thành hoàn thiện tài liệu hướng dẫn thí điểm mô hình Bộ phận một cửa theo hướng kết hợp cung cấp dịch vụ công của các đơn vị hành chính trên cùng địa bàn theo chỉ đạo tại Chỉ thị 04/CT-TTg ngày 11/02/2024

10. Bộ Nội vụ hoàn thành hướng dẫn Luật Lưu trữ (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 7, nhất là việc lưu trữ điện tử, hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

11. Tiếp tục triển khai hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án 06/CP theo Chỉ thị số 04/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Phụ lục 1: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÓ THỜI HẠN QUÝ II/2024 THEO KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

a) Các nhiệm vụ hoàn thành

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	KẾT QUẢ
1	Lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	Trình Chính phủ xem xét, thông qua	Tháng 6	Bộ TT&TT	Chính phủ đã thông qua tháng 4/2024
2	Xây dựng Nghị định quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy	Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành	Tháng 5	Bộ TT&TT	Đã hoàn thiện Hồ sơ Nghị định trình Chính phủ ban hành tại tờ Trình số 60/TTr-BTTTT ngày 29/6/2024
3	Tổ chức Phiên họp, Hội nghị thúc đẩy số hóa ngành Nông nghiệp	Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách về kế hoạch, nội dung	Quý I	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháng 5/2024
4		Tổ chức Phiên họp, Hội nghị do Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách chủ trì	Quý I	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức Hội nghị thúc đẩy số hóa ngành nông nghiệp tại Bộ Nông nghiệp và PTNT do Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang chủ trì vào ngày 14/5/2024
5	Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành	Tháng 5	Bộ TT&TT	Ngày 30/5/2024, VPCP đã gửi dự thảo Nghị định xin ý kiến các Thành viên Chính phủ - Đến ngày 02/7/2024, Bộ TT&TT nhận được 25/26 ý kiến Thành viên Chính phủ và đang tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	KẾT QUẢ
6	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lưu trữ	trình QH tại kỳ họp 7, QH Khóa 15 đề Luật Lưu trữ sửa đổi được ban hành	Tháng 6	Bộ Nội vụ	Quốc hội đã thông qua tại Kỳ họp thứ 7 khóa XV.
7	Xây dựng, hoàn thiện báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật, bổ sung phương án xử lý đối với các thủ tục hành chính chưa được cắt giảm, đơn giản hóa trong việc thực thi các Nghị quyết đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư theo phạm vi quản lý của từng bộ, ngành	Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ	Trước ngày 15/4	Tổ công tác rà soát VBQPPL của Chính phủ	Văn bản 1115/TCT ngày 06/3/2024; Văn bản 1389/TCT ngày 25/3/2024.
8	Xây dựng Đề án "Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2024-2025 và định hướng đến năm 2030"	Trình Chính phủ ban hành	Tháng 6	Bộ TT&TT	Bộ TTTT đã trình Tờ trình số 48/TTr-BTTTT ngày 07/6/2024
9	Nghiên cứu giải pháp định danh tàu thuyền trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử	Báo cáo Thủ tướng giải pháp thực hiện;	4/30/2024	Bộ Công an	Bộ Công an đã báo cáo TTg tại Văn bản số 1092/BC-BCA-C06 ngày 28/5
10	Lập đề nghị xây dựng Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân	Trình Chính phủ xem xét, thông qua	Tháng 3	Bộ Công an	Văn phòng Chính phủ đã tổ chức lấy kiến thành viên Chính phủ về hồ sơ đề nghị xây dựng Luật. Chuẩn bị trình Chính phủ thông qua

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	KẾT QUẢ
11	Lập đề nghị xây dựng Luật dữ liệu	Trình Chính phủ xem xét, thông qua	Tháng 5	Bộ Công an	Chính phủ đã thông qua; Bộ Công an đang lấy ý kiến rộng rãi về dự thảo Luật Dữ liệu
12	Xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông (sửa đổi)	Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành	4/15/2024	Bộ TT&TT	Đã trình Chính phủ xem xét, ban hành tháng 6/2024
13	Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet; việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam	Nghị định được ban hành	4/15/2024	Bộ TT&TT	Đã trình Chính phủ xem xét, ban hành tháng 6/2024
14	Xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ	Nghị định được ban hành	4/15/2024	Bộ Quốc phòng	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024
15	Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử	Nghị định được ban hành	5/1/2024	Bộ Công an	Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024
16	Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương	Văn bản hướng dẫn của Bộ TT&TT	Tháng 4	Bộ TT&TT	Ngày 17/4/2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã hướng dẫn tại Văn bản số 1466/BTTTT-CĐSQG gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	KẾT QUẢ
	đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ)				
17	<i>Hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định về thanh toán không dùng tiền mặt</i>	<i>Nghị định được ban hành</i>	<i>Đáp ứng yêu cầu Luật Các tổ chức tín dụng khi có hiệu lực</i>	<i>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>	<i>Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2024/NĐ-CP quy định về thanh toán không dùng tiền mặt</i>
18	<i>Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.</i>	<i>Nghị định được ban hành</i>	<i>Tháng 7</i>	<i>Bộ Công an</i>	<i>Nghị định 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước</i>
19	<i>Triển khai, đưa vào sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ trên phạm vi toàn quốc</i>	<i>100% bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sử dụng</i>	<i>Tháng 11</i>	<i>Bộ TT&TT</i>	<i>100% (94/94) bộ ngành, địa phương đã đăng nhập, sử dụng Nền tảng</i>

b) Các nhiệm vụ đang thực hiện, chưa hoàn thành

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện	Kế hoạch kiểm tra, giám sát của BCD chuyên đổi số trong phạm vi	4/30/2024	Các bộ, ngành, địa phương	<i>19 cơ quan có kế hoạch</i>

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	các nhiệm vụ chuyển đổi số tại bộ, ngành, địa phương	ngành, lĩnh vực của bộ, ngành, địa phương được ban hành. Yêu cầu có thời gian, nội dung, địa điểm kiểm tra, giám sát cụ thể			<i>kiểm tra, giám sát chuyển đổi số</i>
2	Hoàn thiện và ban hành phương pháp, tiêu chí đo lường chỉ tiêu thống kê về tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GDP và trong các ngành, lĩnh vực tại Việt Nam.	Văn bản hướng dẫn	Tháng 6	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
3	Kế hoạch số hóa ngành Nông nghiệp	Kế hoạch số hóa ngành Nông nghiệp (có chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai cụ thể)	Quý II	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Tổ chức Phiên họp, Hội nghị thúc đẩy số hóa ngành lĩnh vực: điện, năng lượng; công nghiệp chế biến, chế tạo.	Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách về kế hoạch, nội dung	Quý II	Bộ Công Thương	
5	Tổ chức Phiên họp, Hội nghị thúc đẩy số hóa ngành Xây dựng	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ phụ trách về kế hoạch, nội dung	Tháng 4	Bộ Xây dựng	
6		Tổ chức Phiên họp, Hội nghị do Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách chủ trì	Quý II	Bộ Xây dựng	
7		Kế hoạch số hóa ngành Xây dựng (có chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai cụ thể)	Quý II	Bộ Xây dựng	

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
8	Tổ chức Phiên họp, Hội nghị ứng dụng công nghệ và quản trị số phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ phụ trách về kế hoạch, nội dung	Tháng 4	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
9		Tổ chức Phiên họp, Hội nghị do Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách chủ trì	Quý II	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
10		Kế hoạch số hóa KCN KCX (có chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai cụ thể)	Quý II	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
11	Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích	Nghị định được ban hành	4/15/2024	Bộ TT&TT	
12	Nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số nói chung và Đề án 06 nói riêng	Đề án được ban hành	Tháng 6	Bộ Giáo dục và Đào tạo	

Phụ lục 2: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÓ THỜI HẠN QUÝ II/2024 THEO KẾT LUẬN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẠI PHIÊN HỌP ỦY BAN QUỐC GIA LẦN THỨ 8 (VĂN BẢN 203/TB-VPCP)

a) Các nhiệm vụ hoàn thành

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	KẾT QUẢ
1	Tổng hợp các kiến nghị của các bộ, cơ quan, địa phương báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang phân công các bộ, cơ quan giải quyết theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định	Các kiến nghị được xử lý	Tháng 5	Bộ TT&TT	Đã tổng hợp, đối với các kiến nghị cần có sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đã phối hợp VPCP để báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang. Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ quản lý ngành, đã phối hợp để xử lý, trả lời kiến nghị.
2	Xây dựng Nghị định quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy	Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành	Tháng 5	Bộ TT&TT	Đã hoàn thiện Hồ sơ Nghị định trình Chính phủ ban hành tại tờ Trình số 60/TTr-BTTTT ngày 29/6/2024
3	Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành	Tháng 5	Bộ TT&TT	Ngày 30/5/2024, VPCP đã gửi dự thảo Nghị định xin ý kiến các Thành viên Chính phủ - Đến ngày 02/7/2024, Bộ TT&TT nhận được 25/26 ý kiến Thành viên Chính phủ và đang tổng hợp, giải trình, tiếp

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	KẾT QUẢ
					thu ý kiến Thành viên Chính phủ
4	Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật Lưu trữ	trình Quốc hội tại kỳ họp 7, QH Khóa 15 để Luật Lưu trữ sửa đổi được ban hành	Tháng 6	Bộ Nội vụ	Quốc hội đã thông qua tại Kỳ họp thứ 7 khóa XV.
5	Đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương chưa tích hợp chữ ký số từ xa vào Cổng Dịch vụ công thực hiện tích hợp	100% các địa phương chưa kết nối	Tháng 6	Bộ TT&TT	
6	Lập đề nghị xây dựng Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân	Trình Chính phủ xem xét, thông qua	Tháng 3	Bộ Công an	Văn phòng Chính phủ đã tổ chức lấy kiến thành viên Chính phủ về hồ sơ đề nghị xây dựng Luật. Chuẩn bị trình Chính phủ thông qua
7	Lập đề nghị xây dựng Luật dữ liệu	Trình Chính phủ xem xét, thông qua	Tháng 5	Bộ Công an	Chính phủ đã thông qua ; Bộ Công an đang lấy ý kiến rộng rãi về dự thảo Luật Dữ liệu
8	Xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông (sửa đổi)	Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành	4/15/2024	Bộ TT&TT	Đã trình Chính phủ xem xét, ban hành

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	KẾT QUẢ
9	Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet; việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam	Nghị định được ban hành	4/15/2024	Bộ TT&TT	Đã trình Chính phủ xem xét, ban hành
10	Nghiên cứu, xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn bảo đảm an toàn thông tin cấp bộ, tỉnh	Văn bản hướng dẫn	Tháng 6	Bộ TT&TT	Công văn số 476/CATTT-ATHTTT ngày 30/3/2024 về việc Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng đối với hệ thống thông tin. Tính đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn cho các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương đạt 80,4%.
11	Ban hành nghị quyết về miễn, giảm phí, lệ phí trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến	100% địa phương ban hành	Tháng 5	An Giang, Cần Thơ, Đắk Nông, Kiên Giang, Sóc Trăng, Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh	63/63 địa phương đã ban hành

b) Các nhiệm vụ chưa hoàn thành, đang thực hiện

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	KẾT QUẢ HIỆN NAY
1	Hoàn thành, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Công nghiệp công nghệ số	Luật được Quốc hội thông qua	Tháng 6	Bộ TT&TT	Đang hoàn thiện dự thảo xin ý kiến rộng rãi
2	trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”.	Đề án được ban hành	Tháng 5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đã trình Thủ tướng
3	Hoàn thiện và ban hành phương pháp, tiêu chí đo lường chỉ tiêu thống kê về tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GDP và trong các ngành, lĩnh vực tại Việt Nam.	Văn bản hướng dẫn	Tháng 6	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đang thực hiện
4	Các bộ, ngành, địa phương chưa hoàn thành việc tích hợp giải pháp ký số từ xa vào Cổng Dịch vụ công, đề nghị chủ động phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông hoàn thành	các địa phương chưa kết nối	Tháng 6	Các địa phương	Tích hợp được 62 tỉnh; 09 bộ ngành
5	Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích	Nghị định được ban hành	4/15/2024	Bộ TT&TT	Đang hoàn thiện dự thảo Nghị định

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	KẾT QUẢ HIỆN NAY
6	trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số y tế đến năm 2030.	Đề án được ban hành	Tháng 6	Bộ Y tế	
7	Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06; trong tháng 5 năm 2024 thực hiện sơ kết, phổ biến kinh nghiệm triển khai Đề án 06 cho các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, xây dựng Đề án chuyển đổi số của bộ, cơ quan, địa phương, nhân rộng mô hình triển khai Đề án 06 trên toàn quốc.	Thực hiện sơ kết Đề án 06; phổ biến, hướng dẫn các bộ, ngành	Tháng 5	Bộ Công an	
8	Khẩn trương hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án, mua sắm tài sản, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, hoàn thành trước ngày 30 tháng	Nghị định được ban hành	Tháng 5	Bộ Tài chính	Đang tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	KẾT QUẢ HIỆN NAY
	5 năm 2024 theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 156/TB-VPCP ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Phó Thủ tướng Lê Minh Khải tại Thông báo số 181/TB-VPCP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ.				
9	Đối với các khoản chi của ngân sách trung ương năm 2024 chưa phân bổ cho các bộ, cơ quan để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06; chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan liên quan căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội và quy định liên quan, khẩn trương rà soát, tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ, báo cáo Chính phủ đề trình cấp có thẩm quyền theo quy định; hoàn thành nhiệm vụ này theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 156/TB-VPCP ngày 10 tháng 4	Có phương án phân bổ tài chính thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06	Tháng 5	Bộ Tài chính	

TT	NHIỆM VỤ	KẾT QUẢ YÊU CẦU	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	CƠ QUAN THỰC HIỆN	KẾT QUẢ HIỆN NAY
	năm 2024 và Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại Thông báo số 181/TB-VPCP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ				